| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 18**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 25/2026/LĐ-ST
Ngày: 07-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng lao động

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Thế Chính.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lan.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 21/2026/TLST-LĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc: "Tranh chấp hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2026/QĐXXST-LĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2026/QĐST-LĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lương Hằng N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, thành phố Cần Thơ; tạm trú: Phòng số 10, Nhà trọ Nguyễn Thanh N1, Số nhà A, Khu phố A, phường A, tỉnh Tây Ninh; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*2. Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn D. Địa chỉ: Lô S, Khu công nghiệp M, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông H, Shih Y, sinh năm 1979 - Tổng Giám đốc. Địa chỉ: Lô S, Khu công nghiệp M, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trịnh Quốc C, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ B, Khu phố C, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2026); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bảo hiểm Xã hội cơ sở B. Địa chỉ: Quốc lộ A, khu phố M, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng K - Giám đốc; có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.2. Bà Đặng Thị Y1, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số C, Đường H, Khu phố F, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (bà Lương Hằng N) trình bày:*

Bà Lương Hằng N từng làm việc ở nhiều công ty khác nhau. Bà Lương Hằng N cho biết trước đó bà N có cho bà Đặng Thị Y1, sinh năm 1998 (là cháu của chồng bà N) mượn giấy tờ cá nhân của bà N để làm thủ tục xin việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn D. Khoảng tháng 7 năm 2024, bà Lương Hằng N liên hệ làm thủ tục nhận chế độ bảo hiểm xã hội 01 lần theo số sổ bảo hiểm xã hội: 7412146600 nhưng được cơ quan bảo hiểm xã hội thông báo bà Lương Hằng N có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2010 đến tháng 3 năm 2012 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn D với số sổ bảo hiểm: 7410349854. Bà N khẳng định chưa từng làm việc và ký hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn D. Do đó, bà Lương Hằng N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lương Hằng N và Công ty trách nhiệm hữu hạn D (liên quan đến sổ bảo hiểm xã hội số: 7410349853) từ tháng 12 năm 2010 đến tháng 3 năm 2012 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn D vô hiệu.

*Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Trịnh Quốc C) trình bày:*

Theo dữ liệu phần mềm của Công ty trách nhiệm hữu hạn D xác định, bà Lương Hằng N, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1991, số căn cước công dân: 385503651 đã nghỉ việc từ ngày 11 tháng 4 năm 2012. Do thời gian bà Lương Hằng N nghỉ việc đã lâu nên Công ty trách nhiệm hữu hạn D không còn lưu hồ sơ, hợp đồng lao động và bảng lương.

*Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bảo hiểm Xã hội cơ sở B) trình bày:*

Bà Lương Hằng N, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1991, số căn cước công dân: 095191003265 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp như sau:

Mã số bảo hiểm xã hội: 7410349853 có quá trình làm việc như sau: Từ tháng 12 năm 2010 đến tháng 3 năm 2012 làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn D và chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

Mã số bảo hiểm xã hội: 7412146600 có quá trình làm việc như sau:

Từ tháng 4 năm 2012 đến tháng 01 năm 2014: Làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn P (địa chỉ: Khu công nghiệp M, phường B, thành phố Hồ Chí Minh) và đã hưởng bảo hiểm 01 lần, thất nghiệp.

Từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 12 năm 2015: Làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn L (địa chỉ: Số B, đường P, phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh) và đã hưởng bảo hiểm 01 lần, thất nghiệp.

Từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 5 năm 2019: Làm việc tại Công ty Cổ phần S (địa chỉ: Số C, P, phường B, thành phố Hồ Chí Minh) và đã hưởng bảo hiểm 01 lần, thất nghiệp.

Từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 3 năm 2025: Làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn M (địa chỉ: Lô S, Đường số F, khu công nghiệp T, phường A, tỉnh Tây Ninh) và chưa hưởng bảo hiểm xã hội.

Từ tháng 5 năm 2025 đến tháng 9 năm 2025: Làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 (địa chỉ: Đường số F, khu công nghiệp T, phường A, tỉnh Tây Ninh) và chưa hưởng bảo hiểm xã hội.

Mã số bảo hiểm xã hội: 7412146600 đã hưởng chế độ bảo hiểm xã hội 01 lần quá trình từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 12 năm 2015 tại Bảo hiểm xã hội Bạc Liêu. Bảo hiểm xã hội cơ sở B không chi trả nên không có hồ sơ lưu trữ.

Do bà Lương Hằng N không khai báo thành thật quá trình tham gia khi làm việc tại nhiều công ty khác nhau nên bà N có 02 số sổ bảo hiểm xã hội là 7410349853 và 7412146600. Bảo hiểm Xã hội cơ sở B không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà Lương Hằng N. Sau khi có bản án, Bảo hiểm Xã hội cơ sở B sẽ xử lý theo quy trình hướng dẫn của Bảo hiểm Xã hội thành phố H.

*Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Đặng Thị Y1) trình bày:*

Khoảng năm 20210, bà Đặng Thị Y1 chưa đủ tuổi nên bà Y1 có mượn giấy tờ cá nhân của bà Lương Hằng N để làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn D; địa chỉ: Lô S, Khu công nghiệp M, phường B, thành phố Hồ Chí Minh. Thực tế, bà Lương Hằng N chưa từng làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn D. Bà Lương Hằng N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lương Hằng N và Công ty trách nhiệm hữu hạn D (liên quan đến sổ bảo hiểm xã hội số: 7410349853) vô hiệu thì bà Y1 đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 15, Điều 16, Điều 49 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lương Hằng N khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Lương Hằng N (thực tế do bà Đặng Thị Y1 ký kết) với Công ty trách nhiệm hữu hạn D (địa chỉ: Lô S, Khu công nghiệp M, phường B, thành phố Hồ Chí Minh) là trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Bà Lương Hằng N và bà Đặng Thị Y1 xác định bà N có cho bà Đặng Thị Y1, sinh năm 1998 (là cháu của chồng bà N) mượn giấy tờ cá nhân của bà N để làm thủ tục xin việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn D. Thực tế, bà N chưa từng làm việc và ký hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn D. Người thực tế làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn D (liên quan đến sổ bảo hiểm xã hội số: 7410349853) từ tháng 12 năm 2010 đến tháng 3 năm 2012 là bà Đặng Thị Y1.

Xét thấy, thực tế bà Lương Hằng N chưa từng làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn D từ tháng 12 năm 2010 đến tháng 3 năm 2012 và được cấp sổ bảo hiểm xã hội số: 7410349853. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, bà Lương Hằng N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lương Hằng N với Công ty trách nhiệm hữu hạn D từ tháng 12 năm 2010 đến tháng 3 năm 2012 vô hiệu là có sơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự không có ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 15, Điều 16, Điều 49, Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lương Hằng N đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn D về việc "Tranh chấp hợp đồng lao động".

Tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa bà Lương Hằng N với Công ty trách nhiệm hữu hạn D từ tháng 12 năm 2010 đến tháng 3 năm 2012 (số sổ bảo hiểm xã hội: 7410349853) vô hiệu.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Lương Hằng N tự nguyện nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008589 ngày 27/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18 - Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thế Chính**